



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Phụ lục số II - Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Năm báo cáo: 2010

Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)**
Trụ sở chính : **270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP HCM**
Tên chứng khoán : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử**
Mã chứng khoán : **KST**
Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần**
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: **2.996.010 cổ phiếu.**
Tổng giá trị niêm yết : **29.960.100.000 đồng.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2011



I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

❖ Thành lập:

- Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học – Điện tử (KASATI) tiền thân là Xí nghiệp Sửa chữa Thiết bị Thông tin II thành lập vào năm 1976;
- Ngày 08/10/1985 đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin 2;
- Chính thức chuyển thể sang hình thức Công ty Cổ phần vào ngày 02/12/2002 (Giấy phép thành lập Công ty số: 470/QĐ-TCBD ngày 07/06/2002 của Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Bưu Điện về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin II thành Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học – Điện tử), Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 4103001330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 02/12/2002 và đăng ký thay đổi bổ sung ngành nghề lần thứ 4 vào ngày 30/07/2009).

❖ Niêm yết:

- Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết: số 701/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 30 tháng 09 năm 2010;

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)

Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử

Mã chứng khoán : KST

Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.996.010 cổ phiếu.

Tổng giá trị niêm yết : 29.960.100.000 đồng.

- Ngày 29/12/2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI) chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán HNX.
- Với bề dày thành tích hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, tin học và điện tử, KASATI đã chủ trì thành công nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Ngành và cấp Nhà nước. Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Công ty đã tạo ra được nhiều sản phẩm – dịch vụ tham gia vào thị trường điện tử - viễn thông trong nước. Đồng thời, Công ty cũng có nhiều mối quan hệ hợp tác với các công ty hàng đầu trên thế giới trong việc sản xuất kinh doanh các thiết bị trong lĩnh vực Viễn thông, Tin học và Điện tử.



2. Quá trình phát triển:

❖ Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và lắp ráp các thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và kinh doanh phần mềm tin học;
 - Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
 - Chuyên giao công nghệ chuyên ngành viễn thông, tin học và điện tử;
 - Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử;
 - Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế;
 - Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
 - Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng, hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Sửa chữa nhà;
 - Trang trí nội thất, ngoại thất;
 - Cho thuê nhà ở, văn phòng;
 - Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh;
 - Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc – phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy, máy móc ngành xây dựng;
 - Cho thuê thiết bị mạng – viễn thông – tin học – điện – điện tử và điện lạnh;
 - Mua bán vật liệu xây dựng;
 - Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, giám sát thi công và khảo sát xây dựng);
 - Tư vấn lập dự án đầu tư;
 - Tư vấn đấu thầu;
 - Lập tổng dự toán, dự toán công trình;
 - Quản lý dự án;
 - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng (đánh giá sự cố, lập phương án xử lý);
 - Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăng ten (không hoạt động tại trụ sở);
 - Môi giới thương mại;
 - Cho thuê kho bãi;
-



- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Cung cấp dịch vụ truy cập Internet (ISP);
- Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động thiết kế chuyên dùng: Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn khoa học, công nghệ: Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan: Điện và điện tử; công nghiệp và hệ thống, kỹ thuật an toàn; Quảng cáo.

❖ **Tình hình hoạt động:**

- Ngày 16/03/2005 thành lập Chi nhánh KASATI Hà Nội theo quyết định số 09/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần KASATI. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113008309 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/06/2005.
- Ngày 22/12/2009 thành lập Chi nhánh Đà Nẵng theo quyết định số 04/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần KASATI. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473-002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 08/01/2010.
- Địa chỉ hoạt động của Công ty và các chi nhánh:

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP.HCM.
- Điện thoại: +84 – 8 – 3865 5343 / 3865 5344
- Fax: +84 – 8 – 3865 2487
- Website: www.kasati.com.vn
- E-mail: kasati@kasati.com.vn

Chi nhánh Hà Nội:

- Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.
 - Điện thoại: +84 – 4 – 3565 8696 / 3565 8699
 - Fax: +84 – 4 – 3565 8697
 - E-mail: kasatihanoi@hn.vnn.vn
-



Chi nhánh Đà Nẵng:

- Địa chỉ: 23 Duy Tân, P. Hòa Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: +84 – 511 – 3708345
- Fax: +84 – 511 – 3628168
- E-mail: hoabh.danang@kasati.com.vn

Trung tâm Kinh doanh:

- Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP.HCM.
- Điện thoại: +84 – 8 – 3864 7839
- Fax: +84 – 8 – 3865 5345
- Website: www.kasati.com.vn
- E-mail: kinhdoanh@kasati.com.vn

3. Định hướng phát triển:

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục xây dựng và củng cố thương hiệu KASATI là một trong những đơn vị mạnh, có uy tín của Ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
 - Xây dựng Kasati là một trong những đơn vị hàng đầu trong công tác phát triển hạ tầng, cung cấp các dịch vụ và giải pháp hội tụ giữa 3 lĩnh vực viễn thông, tin học và điện tử; đóng góp vào mục tiêu đưa hạ tầng bưu chính viễn thông và CNTT Việt Nam tương đương mức bình quân các nước công nghiệp phát triển.
 - Công ty CP Kasati xác định mục tiêu của Công ty giai đoạn 2011-2015 là xây dựng KASATI trở thành “Trung tâm kỹ thuật công nghệ cao” trong 3 lĩnh vực Viễn Thông, Tin Học và Điện Tử, với hoạt động chính bao gồm:
 - + Nghiên cứu, ứng dụng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao trên cơ sở chuyển giao công nghệ, hướng đến đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ cung cấp.
 - + Liên kết, hợp tác với các nhà cung cấp, công ty lớn trên thế giới đào tạo chuyên gia và chuyên viên lĩnh vực CNTT & TT trên toàn quốc; tạo lập diễn đàn liên kết giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất kinh doanh.
-



❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đầu tư phát triển sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ:

- Đầu tư phát triển sản xuất tăng cường năng lực đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, phục vụ sản xuất kinh doanh với tỉ lệ trung bình hàng năm tăng 14,59%/năm.
- Phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng (Call Center) trở thành nhà cung cấp các sản phẩm dịch vụ về Call Center hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp 05 nhóm dịch vụ chính: thiết lập, quản lý và nâng cấp hạ tầng mạng; cho thuê hệ thống và phần mềm; cho thuê nhân công; cho thuê trọn gói; tư vấn, tuyển chọn và đào tạo điện thoại viên; cung cấp thông tin, giải trí thương mại;
- Sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng, đầu tư nguồn lực phát triển mạnh các dịch vụ nội dung số trên nền di động như: cung cấp tin tức về chứng khoán, thể thao, giá vàng, ngoại tệ, kết quả tuyển sinh,... Tương lai, Kasati hướng tới cung cấp dịch vụ nội dung số cho các đối tác tiềm năng như trường học, các hãng hàng không, ngân hàng, taxi, các công ty chứng khoán,...

Đầu tư xây dựng “Trung tâm kỹ thuật công nghệ cao KASATI”:

- Trên cơ sở nghiên cứu mô hình công nghệ cao phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam; Mô hình “Trung Tâm Kỹ thuật Công nghệ cao” tại Công ty CP KASATI được xây dựng tại địa chỉ 270A Lý Thường Kiệt, Quận 10 với các thành phần chức năng chính như sau:
 - + Trung Tâm hỗ trợ kỹ thuật cao chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật có hàm lượng công nghệ cao như giải pháp tối ưu hoá mạng lưới, đo kiểm, cân chuẩn thiết bị, huấn luyện, đào tạo; các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật truyền thống như lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, ứng cứu, sửa chữa.
 - + Trung tâm nghiên cứu và khai thác dịch vụ gồm 2 khu vực:
 - Khu nghiên cứu sản xuất được tổ chức dưới dạng các đơn vị, bộ phận chuyên nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; nghiên cứu sản xuất module các loại sản phẩm viễn thông, tin học, điện tử; sản xuất phần mềm và thiết kế vi mạch;
 - Khu vực dịch vụ khai thác chuyên cung cấp các dịch vụ khai thác, trợ giúp khách hàng, quản lý và nâng cấp hạ tầng mạng cho các đơn vị thuộc VNPT, các doanh nghiệp và công ty khai thác dịch vụ viễn thông trong và ngoài ngành.



- Dự án này đã được Công ty nghiên cứu và xây dựng từ năm 2005, được Tập đoàn VNPT phê duyệt chủ trương và phương án đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án số 6118/ĐTPT ngày 21/09/2005. Theo kế hoạch, Mô hình “Trung tâm kỹ thuật công nghệ cao KASATI” dự tính triển khai và chính thức đi vào hoạt động vào năm 2015, trên cơ sở Công ty cùng góp vốn với Tập đoàn VNPT đầu tư xây dựng.

Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ mới:

- Nghiên cứu hợp tác sản xuất thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ cao phục vụ mạng thông tin di động, băng rộng, dịch vụ GTGT;
- Nghiên cứu hợp tác sản xuất hệ thống sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo phục vụ trong và ngành;
- Nghiên cứu xây dựng và hoàn chỉnh quy trình tối ưu hóa mạng lưới, đo kiểm, bảo dưỡng, lắp đặt các hệ thống, thiết bị mới;
- Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm công nghệ tin học, xây dựng Trung tâm dữ liệu (Data Center), đầu tư phát triển Call Center & các dịch vụ nội dung số.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty:

Năm 2010, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu doanh thu đạt 99%, lợi nhuận đạt 100% so với kế hoạch đề ra; doanh thu tăng 19%, lợi nhuận tăng 13% so với năm 2009; đảm bảo mức chi cổ tức cho cổ đông tương đương năm 2009 là 14%.

Để đạt được kết quả trên, Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc điều hành đã triển khai mở rộng thêm thị trường như là thành lập Chi nhánh Đà Nẵng để giữ thị phần miền Trung, trong năm đầu đã đem lại lợi nhuận cho Công ty. Ngoài ra, Công ty đã triển khai các dịch vụ mới, sản phẩm mới phù hợp với các xu hướng và nhu cầu của thị trường viễn thông hiện nay. HĐQT cũng định hướng tốt và đúng đắn, có quyết sách đầu tư kịp thời các dịch vụ đang phát triển nhằm đem lại lợi nhuận lợi cho Công ty như dịch vụ chăm sóc khách hàng (call center): năm 2008 Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Trợ giúp Thương mại Khang An (KASACO) đến năm 2010 đã có doanh thu và lợi nhuận vượt trội (doanh thu: 46,42 tỷ, vượt 27% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế: 3,77 tỷ, vượt 87% so với kế hoạch). Công ty đã thống nhất đăng ký tăng vốn góp vào KASACO trên 51% để hợp nhất KASACO thành Công ty con, hiện đang tiến hành các thủ tục.



Ngoài việc quan tâm đến các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc cũng rất chú trọng đến chính sách quản lý, các quy chế quản trị và hệ thống tiêu chuẩn văn hóa của Công ty. HĐQT đã thúc đẩy đưa cổ phiếu KASATI chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán để tạo cơ hội cho KASATI tiếp cận với các nhà đầu tư chiến lược. Cổ phiếu KASATI chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội vào ngày 29/12/2010 với mã chứng khoán KST.

Đánh giá chung: HĐQT đã thực hiện tốt vai trò và giám sát Ban Tổng Giám đốc điều hành để thực hiện tốt Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010. Các hoạt động của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Người lao động trong Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho Nhà nước. Năm 2011 tình hình kinh tế xã hội sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức mới nhưng HĐQT sẽ cố gắng chỉ đạo BTGD điều hành thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến: doanh thu: 130 tỷ, lợi nhuận: 10,5 tỷ, mức chi cổ tức 15%/năm.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Đến 31-12-2010, tổng tài sản của Công ty đạt 99,794 tỷ, tăng 7% so 2009; nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 56,636 tỷ đồng, tăng 7% so với 2009, trong đó vốn điều lệ 29,960 tỷ đồng (vốn của VNPT là 10,150 tỷ).

Tỷ suất lợi nhuận (trước thuế) trên vốn điều lệ năm 2010 của công ty là 34%, tăng 4% so năm 2009; tỷ suất lợi nhuận (trước thuế) trên vốn chủ sở hữu 18,16%, tăng 1% so 2009.

Các chỉ tiêu về tài chính năm 2010:

STT	NỘI DUNG	Giá trị
1	Giá trị Tổng sản lượng (không có thuế GTGT)	
	Trong đó: Giá trị xuất khẩu	
2	Tổng doanh thu (không có thuế GTGT)	113,413,229,454
2.1	Doanh thu xuất khẩu	
2.2	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh	113,413,229,454



STT	NỘI DUNG	Giá trị
	Trong đó:	
	- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	510,000,000
3	Chi phí	105,976,810,952
3.1	Giá vốn hàng bán	79,236,116,773
3.2	Chi phí bán hàng	601,319,056
3.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24,984,362,439
3.4	Chi phí tài chính	1,155,012,684
	Trong đó: chi lãi vay	836,206,964
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	10,283,543,126
4.1	- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	8,591,431,186
4.2	- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	432,745,798
4.3	- Lợi nhuận khác	1,259,366,142
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	7,822,953,734
6	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	9,153,187,754
6.1	- Thuế GTGT (đã khấu trừ)	5,614,895,479
6.2	- Thuế TNDN	2,063,628,459
6.3	- Các khoản phải nộp khác	1,474,663,816
7	Lợi nhuận dự kiến phân phối (cổ tức, trích lập các quỹ)	6,016,207,901
8	Vốn điều lệ	30,000,000,000
	Trong đó: Vốn của VNPT	10,150,000,000
8.1	Tăng vốn điều lệ	
8.2	Giảm vốn điều lệ	
9	Nguồn vốn chủ sở hữu	56,635,905,701
10	Tổng tài sản	99,793,873,348
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	13.81%
12	Nợ phải trả	43,157,967,648
	- Nợ ngắn hạn	43,084,671,648
	- Nợ dài hạn	73,296,000
	- Nợ khác	0



STT	NỘI DUNG	Giá trị
13	Nợ phải thu	60,890,517,339
	Trong đó:	
	- Phải thu từ các đơn vị thành viên của Tập đoàn	42,826,137,055
	- Phải thu từ các Công ty cổ phần có vốn góp của Tập đoàn	
14	Khả năng thanh toán nhanh: Tiền và ĐT ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	8.76%
15	Lao động và thu nhập	
16.1	Tổng số lao động bình quân trong năm	282
	Trong đó:	
	- Lao động trực tiếp	248
	- Lao động quản lý (hưởng lương từ chi phí quản lý)	34
16.2	Tổng quỹ lương	16,920,000,000
	Trong đó:	
	- Quỹ lương lao động trực tiếp	12,063,799,688
	- Quỹ lương lao động quản lý	4,856,200,312
16.3	Bình quân thu nhập người/năm	5,000,000
	Trong đó:	
	- Bình quân thu nhập lao động trực tiếp	4,053,696
	- Bình quân thu nhập lao động quản lý	11,902,452



Cơ cấu vốn cổ đông (tính đến 31/03/2011):

STT	Danh mục	Số lượng Cổ phiếu (cp)	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ lệ (%)
	Tổng số vốn thực góp	2,960,010	29,960,100	100.00%
1	Cổ đông nhà nước	1,015,000	10,150,000	33.88%
2	Cổ đông nội bộ	794,925	7,949,250	26.53%
a	Hội đồng quản trị	713,225	7,132,250	23.81%
b	Ban Tổng giám đốc	6,900	69,000	0.23%
c	Ban Kiểm soát	60,400	604,000	2.02%
d	Kế toán trưởng	14,400	144,000	0.48%
3	Cổ đông trong công ty	270,700	2,707,000	9.04%
a	Cổ phiếu quỹ	-	-	0.00%
b	Cán bộ công nhân viên	270,700	2,707,000	9.04%
4	Ngoài công ty (trong nước)	915,285	9,152,850	30.55%
a	Cá nhân	880,015	8,800,015	29.37%
b	Tổ chức	35,270	352,700	1.18%
4	Nước ngoài	100	1,000	0.00%
a	Cá nhân	100	1,000	0.00%
b	Tổ chức	-	-	-

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2010, Công ty CP Kasati, sau 08 năm hoạt động dưới cơ chế cổ phần, đã có những bước phát triển đáng kể. Doanh thu dịch vụ và sản phẩm thương mại đều tăng trưởng, công tác quản lý có nhiều cải tiến và đổi mới, hoạt động của Công ty ngày càng trở nên đa dạng và chuyên nghiệp với các kết quả đạt được như sau:



❖ **Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010:**

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ%TH /KH 2010	%TH2010 / TH 2009	Ghi chú
1. Giá trị sản lượng	92,000	99,446	108%	115%	
2. Doanh thu	115,000	113,413	99%	119%	
3. Lợi nhuận trước thuế	10,260	10,284	100%	113%	
4. Lợi nhuận sau thuế	7,695	7,823	102%	105%	
5. Nộp ngân sách	8,473	9.153	108%	121%	
6. Thu nhập bình quân người/tháng	5,000	5,000	100%	111%	
7. Cổ tức	14%	14%	100%	100%	

Trong năm 2010 toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty có phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế như trên đã đề cập. Tổng doanh thu 2010 toàn Công ty là 113,4 tỷ đồng bao gồm:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: 88,4 tỷ đồng, chiếm 78% trên tổng doanh thu.
- Doanh thu thương mại: 15,6 tỷ đồng, chiếm 14% tổng doanh thu.
- Doanh thu sản xuất thành phẩm và hoạt động khác: 9,4 tỷ đồng, chiếm 8% tổng doanh thu.

Tổng doanh thu dịch vụ Công ty năm 2010 là 88,4 tỷ đồng, tăng 67% so với 2009. Trong đó, phần lắp đặt thiết bị doanh thu khoảng 75,7 tỷ đồng, tăng 96% so 2009, bao gồm 2.828 trạm thông tin di động, gần 1.000 thiết bị đầu cuối quang và các thiết bị viễn thông khác. Doanh thu bảo dưỡng đạt 11,5 tỷ đồng, tăng 34% so thực hiện năm 2009.

Tại khu vực Phía Bắc, trong năm 2010, Chi nhánh Hà Nội tiếp tục phát triển, thị trường tập trung vào các dịch vụ lắp đặt và nâng cấp mạng di động 2G, 3G với doanh thu năm 2010 đạt 31,92 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2009 và chiếm khoảng 36% so với doanh thu dịch vụ toàn Công ty.

Tại thị trường Miền Trung, Chi nhánh Đà Nẵng mới thành lập trong năm 2010 nhưng đã nỗ lực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung vào mảng dịch vụ lắp đặt,



bảo dưỡng thiết bị viễn thông. Doanh thu năm 2010 của Chi nhánh đạt 3,580 tỷ đồng, đã có lợi nhuận, bước đầu củng cố và mở rộng thị trường tại miền Trung của Công ty.

❖ **Đầu tư phát triển sản xuất**

Tổng chi phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh hoàn thành năm 2010 toàn Công ty 2,18 tỷ, chiếm 26,17% tổng giá trị đầu tư 8,33 tỷ được HĐQT duyệt.

Tình hình đầu tư trong năm chủ yếu là thiết bị đo, xe ô tô và thiết bị triển khai kinh doanh nội dung số call center tại Hà Nội, tổng mức đầu tư đạt 26,17% tổng giá trị đầu tư được duyệt. Thiết bị đầu tư được đưa vào sử dụng ngay, do thiếu máy đo cho nên không có hiện tượng lãng phí trong đầu tư.

Bảng phân tích hiệu quả:

Tt	Chỉ số so sánh	Kết quả (triệu đ)
1.	Tổng đầu tư năm 2010	2.180
2.	Doanh thu năm 2010	113.413
3.	Doanh thu năm 2009	95.258
4.	Doanh thu tăng thêm so 2009	18.155
6.	Lợi nhuận trước thuế năm 2010	10.284
5.	Lợi nhuận trước thuế năm 2009	9.103
7.	Lợi nhuận tăng thêm năm 2010	1.181
8.	Tỷ lệ lợi nhuận 2010/vốn đầu tư 2010	54,14%
9.	Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2010	8,33 lần

Như vậy, với tổng giá trị đầu tư cả năm đạt 2,18 tỷ đồng, chiếm 26% tổng giá trị đầu tư được duyệt, tổng doanh thu thực hiện năm 2010 toàn công ty là 113,41 tỷ đồng, tăng hơn 18 tỷ đồng so với 2009, lợi nhuận (trước thuế) tăng thêm 1,18 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận/vốn cố định đầu tư trong năm 2010 đạt 54,14%, hiệu suất sử dụng TSCĐ đầu tư trong năm là 8,33 lần, tăng gấp 3 lần so với hiệu suất sử dụng tài sản năm 2009 (2,79lần), cho thấy hiệu quả đầu tư năm 2010 khá cao, không có hiện tượng lãng phí trong đầu tư.



❖ **Tình hình triển khai các dự án**

Dự án “Trung tâm kỹ thuật cao KASATI”: đang xây dựng nguồn lực và làm thủ tục chuẩn bị triển khai.

Dự án kinh doanh dịch vụ hỗ trợ khách hàng (Call Center): Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Khang An (KASACO) hoạt động từ đầu năm 2008, vốn góp của Công ty đến nay đạt 4,335 tỷ đồng # 53%. Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010, doanh thu thực hiện trên 46 tỷ đồng, và bước đầu đã có lợi nhuận, sẽ có kế hoạch chia cổ tức cho các cổ đông.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Nâng cao mức doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách mỗi năm, tạo đà tăng trưởng cho giai đoạn tiếp theo, thực hiện nghĩa vụ với các cổ đông theo đúng kế hoạch cổ tức đã được Đại hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) thông qua.
- Bảo toàn và phát triển vốn: nguồn vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng đều qua mỗi năm do lợi nhuận mang lại. Tính đến cuối năm 2010, tăng 200% vốn điều lệ so với 2006; chính việc này đã tạo niềm tin cho các cổ đông góp vốn, nhất là các cổ đông có cổ phần chiếm ưu thế. Qua đó, cũng tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư của các đối tác có tiềm lực tài chính mạnh vào Công ty.
- Chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng, nguồn lực để chủ động triển khai một số dịch vụ mới; qua việc chú trọng công tác đầu tư, tăng cường mua sắm trang thiết bị đo đạc và phương tiện vận chuyển nhằm tăng cường thế mạnh trong việc triển khai đáp ứng các dịch vụ kỹ thuật với các khách hàng trong và ngoài VNPT. Vì thế, tất cả các máy móc, thiết bị đầu tư đều được Công ty đưa vào phục vụ SXKD, không có tình trạng lãng phí nhập kho không sử dụng. Tuy nhiên, mức độ đầu tư còn thấp so với nhu cầu tăng cơ sở máy đo, do tăng thêm các đội kỹ thuật thực hiện lắp đặt bảo dưỡng trên tuyến.
- Đội ngũ nhân sự luôn được đào tạo cập nhật kịp thời để nắm rõ công nghệ mới và nâng cao kỹ năng làm việc cho các cán bộ quản lý. Trong 5 năm, tổng số lao động của Công ty được đào tạo về quản lý và kỹ thuật là 541 lượt/người, tỷ lệ bình quân khá cao với 43,93%. Ngoài việc bổ sung kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, riêng năm 2008, Công ty đã đào tạo cho 28 cán bộ quản lý khóa học “Tái cấu trúc doanh nghiệp” và hơn 15 lượt/người được đào tạo cơ bản về “Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp”. Qua đó, đội



ngũ quản lý đã góp phần tích cực trong việc củng cố và hoàn thiện các mối quan hệ làm việc giữa các phòng ban, đơn vị với mỗi tương tác trong công việc tốt hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

- Mở rộng hoạt động thương mại, tiếp cận thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, triển khai cung cấp các loại thiết bị viễn thông, thiết bị đo đạc v.v... tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh hoạt động thương mại trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, các dịch vụ kỹ thuật cao như tối ưu hóa mạng lưới, đo kiểm thiết bị mạng di động cũng đã được đào tạo và triển khai với số lượng lớn cho cả 02 nhà mạng Vinaphone và Mobiphone.
- Năm 2005, Công ty thành lập Văn phòng đại diện KASATI tại Hà Nội. Sau 01 năm tìm hiểu thị trường và khẳng định nhu cầu cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của VNPT các tỉnh Phía Bắc, năm 2006 Chi nhánh Hà Nội được thành lập. Qua 5 năm hoạt động, Chi nhánh Hà Nội đã tạo được một tiền đề vững chắc tại thị trường phía Bắc với thế mạnh lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông. Từ năm 2007, hoạt động SXKD của Chi nhánh bắt đầu có lãi; lợi nhuận từ 2007 đến 2010 đạt hơn 7,5 tỷ đồng; trong đó 2010, Chi nhánh Hà Nội đạt mức lãi cao hơn 3 tỷ đồng, góp phần tăng trưởng chỉ tiêu lợi nhuận toàn Công ty.
- Chi nhánh KASATI Đà Nẵng được thành lập từ cuối năm 2009, với 14 nhân sự; sau hơn 01 năm hoạt động, cũng đã đạt doanh thu trên 3,5 tỷ đồng, bước đầu có lợi nhuận trên 300 triệu đồng.
- Được Bộ Thông tin & Truyền thông ra quyết định số 1188/QĐ-BTT&TT ngày 5/8/2008 chỉ định thành lập Phòng Đo kiểm chất lượng mạng viễn thông; với cơ sở pháp lý và nguồn lực đã được đào tạo, Công ty đã triển khai thực hiện dịch vụ đo kiểm. Qua 2 năm hoạt động, dịch vụ này đã bắt đầu có doanh thu, góp phần tăng hiệu quả hoạt động dịch vụ toàn Công ty.
- Dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: hoàn thành việc mở rộng mục tiêu phục vụ hướng đến cộng đồng. Từ 2008, Công ty đã kết hợp với một số đối tác cùng góp vốn thành lập Công ty cổ phần trợ giúp Thương mại dịch vụ Khang An (KASACO). Sau 03 năm hoạt động, Kasaco đã tạo được uy tín trên thị trường, đã có 01 lượng khách hàng đáng kể như VNP2, Viettel, Công ty Dịch vụ Viễn thông Sài Gòn, với qui mô hơn 700 bàn điện thoại viên (ĐTV) tại TP HCM, hơn 200 bàn ĐTV tại chi nhánh Hà Nội; bắt đầu có lãi từ năm 2009 với lợi nhuận trước thuế hơn 3,1 tỷ đồng. Riêng năm 2010, Kasaco dự kiến sẽ chia cổ tức cho các cổ đông.



- Được Tổ chức Afaq-Afnor (Pháp) cấp giấy chứng nhận quản lý theo qui trình ISO 9001:2000 vào năm 2007, duy trì và nâng cấp theo phiên bản mới 9001:2008 và đã được cấp Giấy tái chứng nhận vào năm 2010.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể giai đoạn 2011-2015

- Tiếp tục phát triển và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm, dịch vụ truyền thông, bao gồm:
 - + Bảo dưỡng, ứng cứu, hỗ trợ kỹ thuật, sửa chữa các thiết bị viễn thông;
 - + Lắp đặt và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho mạng thông tin di động (2G, 3G & 4G);
 - + Thiết kế mạng & thiết kế tuyến truyền dẫn;
 - + Đo kiểm trạm thông tin di động, thiết bị mạng viễn thông, cáp đồng, cáp quang...
 - + Kinh doanh vật tư thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử;
 - + Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông, tin học, điện tử;
 - + Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử.
- Đầu tư mở rộng các hoạt động khoa học kỹ thuật có hàm lượng chất xám và công nghệ cao:
 - + Tối ưu hóa mạng lưới;
 - + Định chuẩn thiết bị đo;
 - + Đo kiểm hệ thống mạng và thiết bị viễn thông tin học điện tử;
 - + Nghiên cứu sản xuất phần mềm và thiết kế vi mạch;
 - + Dịch vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, quản lý và nâng cấp hạ tầng mạng;
 - + Cung cấp các dịch vụ khai thác: trung tâm dữ liệu (Data Center); trung tâm dịch vụ chăm sóc khách hàng (Call Center); bộ phận khai thác dịch vụ nội dung số; bộ phận ứng dụng và khai thác dịch vụ Internet băng rộng;
 - + Xây dựng, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu sản xuất; chuyển giao công nghệ; huấn luyện và đào tạo nhân lực công nghệ cao.



Thị trường mục tiêu

- Dựa trên định hướng về sản phẩm và dịch vụ cung cấp như trên, Kasati xác định thị trường mục tiêu Công ty hướng đến giai đoạn 2011-2015 bao gồm:
 - + VNPT và các bưu điện tỉnh, thành;
 - + Các công ty dịch vụ viễn thông di động trong và ngoài nước;
 - + Các khu công nghiệp, khu dân cư;
 - + Mở rộng thị trường ra nước ngoài thông qua các hình thức hợp tác kinh doanh và chuyển giao công nghệ với các đối tác có tiềm lực về khoa học công nghệ;
 - + Hướng đến phục vụ cộng đồng và xã hội.

Chỉ tiêu tài chính- kinh tế chủ yếu

Với kế hoạch sản phẩm, dịch vụ và thị trường hướng đến như trên, Kasati quyết tâm duy trì và phát triển Công ty là đơn vị có uy tín trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ & sản phẩm cho ngành CNTT & TT giai đoạn 2011-2015 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

- + Tổng doanh thu tại trụ sở chính là 667 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 19,78%/năm.
- + Doanh thu Chi nhánh Hà Nội là 271 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 19,46%/năm và doanh thu Chi nhánh Đà Nẵng là 65 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 43,15%.
- + Hoạt động kinh doanh thương mại: 122 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 18,26%/năm;
- + Doanh thu dịch vụ: 840,3 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 22,57%/năm;
- + Doanh thu hoạt động sản xuất và một số hoạt động khác: 40,7 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 5,38%/năm.
- Tổng lợi nhuận phát sinh giai đoạn 2011-2015 là 70,8 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 13%/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận (trước thuế) trên doanh thu bình quân 7,22%/năm.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bình quân 15%.
- Thu nhập bình quân 6,6 triệu đồng/người/tháng; tỷ lệ tăng trưởng bình quân 10%/năm.
- Tổng giá trị đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dự kiến là 47,7 tỷ; tốc độ tăng trưởng bình quân 14,59%/năm.



IV. Báo cáo tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp khoa học sản xuất thiết bị thông tin II theo Quyết định số 470/QĐ-TCBĐ ngày 07 tháng 6 năm 2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện (nay là Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 (số cũ 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần 02 đến lần 03 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 VND

Trong đó:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tổng Công ty bưu chính viễn thông Việt Nam	10.150.000.000	33,88
Công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện	2.900.000.000	9,68
Các cổ đông khác	16.910.100.000	56,44
Cộng	29.960.100.000	99,87

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 655 343

Fax : (84-8) 38 652 487

Mã số thuế : 0302826473

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại Hà Nội	104 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Chi nhánh công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại Đà Nẵng	23 Duy Tân, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và kinh doanh phần mềm tin học;
- Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế;
- Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;





CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng, hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa nhà;
- Trang trí nội thất, ngoại thất;
- Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc - phụ tùng – các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy, máy móc ngành xây dựng.
- Cho thuê thiết bị mạng - viễn thông – tin học - điện - điện tử và điện lạnh;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, giám sát thi công và khảo sát xây dựng);
- Tư vấn lập dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu;
- Lập tổng dự toán, dự toán công trình;
- Quản lý dự án;
- Kiểm định chất lượng công trình (đánh giá sự cố, lập phương án xử lý);
- Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăng ten (không hoạt động tại trụ sở);
- Môi giới thương mại;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP), cung cấp các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (OSP);
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng – công nghiệp;
- Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng – công nghiệp;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan: điện và điện tử; công nghiệp và hệ thống, kỹ thuật an toàn;
- Quảng cáo.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 701/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 9 năm 2010 với mã chứng khoán là KST.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 30).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 16 tháng 7 năm 2010 như sau:

	Số tiền (VND)
- Trích quỹ dự phòng tài chính	372.218.006
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.176.742.123
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.269.000.000
- Thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	432.000.000
- Chia cổ tức (14%)	4.185.260.167



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lương Ngọc Hương	Chủ tịch	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Chủ tịch	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Lê Minh Trí	Ủy viên	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Võ Hồng Lạc	Ủy viên	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên	07 tháng 5 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hoàng Thị Thanh Trúc	Trưởng ban	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Trần Minh Dũng	Thành viên	28 tháng 7 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên	28 tháng 7 năm 2006	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lương Ngọc Hương	Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Lê Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Vũ Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 8 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

47448-
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
HỒ CHỖ



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 4 năm 2011





CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City

Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City

Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City

www.a-c.com.vn

Số: 0429/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 05 tháng 4 năm 2011, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0954/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.202.356.942	79.458.653.459
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.775.810.026	4.976.904.673
1. Tiền	111		3.375.810.026	3.182.804.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		400.000.000	1.794.100.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		60.890.517.339	48.245.005.114
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	56.542.117.151	40.901.106.811
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.393.625.850	2.858.994.210
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	2.954.774.338	4.484.904.093
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		17.356.782.329	17.295.194.178
1. Hàng tồn kho	141	V.5	18.198.882.962	18.137.294.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(842.100.633)	(842.100.633)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.179.247.248	8.941.549.494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	104.758.400	389.921.590
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		425.705.994	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	22.797.012
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	5.648.782.854	8.528.830.892

102
CÔ
RÁCH N
KIỂM
TL
V I TP

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

7



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.591.516.406	13.700.424.290
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.417.498.866	7.799.405.906
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	6.391.633.093	7.799.405.906
<i>Nguyên giá</i>	222		43.619.080.661	44.587.189.730
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(37.227.447.568)	(36.787.783.824)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.865.773	-
<i>Nguyên giá</i>	228		36.365.959	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.500.186)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.334.727.200	4.334.727.200
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	4.334.727.200	4.334.727.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		839.290.340	1.566.291.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	620.916.581	950.956.491
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	208.373.759	605.334.693
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		99.793.873.348	93.159.077.749

474.
NG T
LIÊM H
TOÁI
VÃ
HỒ



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		43.157.967.648	40.257.471.615
I. Nợ ngắn hạn	310		43.084.671.648	40.257.471.615
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	9.111.886.982	10.937.611.420
2. Phải trả người bán	312	V.15	3.990.225.197	4.184.755.090
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	568.555.400	4.076.452.498
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	5.720.487.570	3.647.615.307
5. Phải trả người lao động	315	V.18	2.715.471.201	3.198.197.743
6. Chi phí phải trả	316	V.19	7.754.524.314	1.293.750.434
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	12.945.400.888	12.244.703.527
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	278.120.096	674.385.596
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		73.296.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		73.296.000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.635.905.700	52.901.606.134
I. Vốn chủ sở hữu	410		56.635.905.700	52.901.606.134
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	29.960.100.000	29.960.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	9.980.050.000	9.980.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	7.366.860.762	6.190.118.639
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	1.486.712.202	1.114.494.196
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.22	19.229.003	19.229.003
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	7.822.953.733	5.637.614.296
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		99.793.873.348	93.159.077.749





CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	4.893.772.234
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		38.255,12	29.287,31
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Trần Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	113.758.112.950	95.541.844.003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	344.883.496	283.797.350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	113.413.229.454	95.258.046.653
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	79.236.116.773	67.029.812.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.177.112.681	28.228.234.321
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.587.758.482	1.114.297.432
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.155.012.684	1.941.382.659
Trong đó: chi phí lãi vay	23		836.206.964	1.258.033.235
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	601.319.056	572.457.568
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24.984.362.439	19.224.777.320
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.024.176.984	7.603.914.206
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.591.671.969	1.678.677.346
12. Chi phí khác	32	VI.8	332.305.827	179.323.052
13. Lợi nhuận khác	40		1.259.366.142	1.499.354.294
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.283.543.126	9.103.268.500
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	2.063.628.459	1.549.050.574
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	396.960.934	109.857.797
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.822.953.733</u>	<u>7.444.360.129</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.611</u>	<u>2.485</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Trần Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.283.543.126	9.103.268.500
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	3.019.489.338	3.059.405.861
- Các khoản dự phòng	03		-	742.055.906
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(15.462.866)	285.478.701
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.4, VI.3, VI.7, VI.8	(248.745.875)	(55.480.361)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	836.206.964	1.258.033.235
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.875.030.687	14.392.761.842
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.953.697.913)	6.487.797.170
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(61.588.151)	(2.227.520.014)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.847.279.801	(9.253.393.676)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		615.203.100	143.418.477
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19, VI.4	(868.768.311)	(1.296.775.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(1.592.350.652)	(2.602.672.542)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.809.951.154	62.700.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.631.505.194)	(2.026.865.419)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.039.554.521	3.679.450.389
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10	(1.900.952.138)	(3.225.426.994)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.596.827	55.480.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.872.355.311)	(3.169.946.633)

KASATI
 C
 RÁCH
 KIỆT
 7
 V.7



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	9.111.886.982	19.349.266.276
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(10.937.611.420)	(13.977.205.860)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(2.544.307.167)	(4.269.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.370.031.605)	1.102.400.416
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.202.832.395)	1.611.904.172
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.976.904.673	3.377.060.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.737.748	(12.060.407)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.775.810.026	4.976.904.673

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Trần Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

347.
Đ
HIỆM
T
J V
H C



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và kinh doanh phần mềm tin học; Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử; Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử; Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử; Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế; Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử; Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 303 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 270 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 29 tháng 12 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 701/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 9 năm 2010 với mã chứng khoán là KST.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

14



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 04

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng, xe ô tô được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

2047

ÔNG

NHỆ

M T C

U V

P H

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	847.255.742	449.584.141
Tiền gửi ngân hàng	2.528.554.284	2.733.220.532
Các khoản tương đương tiền (*)	400.000.000	1.794.100.000
Cộng	<u>3.775.810.026</u>	<u>4.976.904.673</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng của Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	40.622.262.926	40.058.598.982
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Hà Nội	14.673.710.792	842.507.829
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	1.246.143.433	-
Cộng	<u>56.542.117.151</u>	<u>40.901.106.811</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Kỹ Nguyên Việt	1.108.635.000	-
Công ty cổ phần INET	94.464.200	-
Công ty cổ phần phát triển công nghệ và thương mại	50.000.000	-
Công ty TNHH kiến trúc xây dựng Gia Trí	-	1.010.000.000
Công ty cổ phần Quang Thịnh	-	791.548.267
Các nhà cung cấp khác	140.526.650	1.057.445.943
Cộng	<u>1.393.625.850</u>	<u>2.858.994.210</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

19

48-2
TỶ
ĐU H
N VÀ
ÁN
CHI



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hoá, vật tư ứng cứu	1.886.578.837	3.859.990.567
Bảo hiểm xã hội nộp thừa ở Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	31.072.284	-
Ứng trước thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	243.300.000	243.300.000
Cổ tức được chia	476.185.561	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	188.645.450	-
Các khoản phải thu khác	128.992.206	381.613.526
Cộng	<u>2.954.774.338</u>	<u>4.484.904.093</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.347.378.379	6.395.974.630
Công cụ, dụng cụ	83.616.946	23.528.810
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.081.345.109	11.061.925.941
Thành phẩm	638.044.256	607.367.158
Hàng hóa	48.498.272	48.498.272
Cộng	<u>18.198.882.962</u>	<u>18.137.294.811</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	416.588.698	416.588.698
Thành phẩm	425.511.935	425.511.935
Cộng	<u>842.100.633</u>	<u>842.100.633</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	308.306.942	-
Tạm ứng	3.870.575.912	6.783.219.432
Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn (*)	1.469.900.000	1.745.611.460
Cộng	<u>5.648.782.854</u>	<u>8.528.830.892</u>

(*) Trong đó có khoản ký quỹ 800 triệu VND tại Công ty cổ phần tài chính Bưu điện để Công ty này cấp hạn mức bảo lãnh 8 tỷ VND từ ngày 17 tháng 6 năm 2010 đến 16 tháng 6 năm 2011.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	8.271.336.000	28.421.776.659	4.490.041.095	2.968.881.787	435.154.189	44.587.189.730
Mua sắm mới	-	842.038.995	775.580.000	246.967.184	-	1.864.586.179
Phân loại lại	-	(522.504.195)	-	498.685.894	23.818.301	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.908.208.494)	-	(924.486.754)	-	(2.832.695.248)
Số cuối năm	8.271.336.000	26.833.102.965	5.265.621.095	2.790.048.111	458.972.490	43.619.080.661
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.271.336.000	18.447.977.883	1.623.947.000	759.249.412	378.858.819	29.481.369.114
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.271.336.000	22.874.435.270	3.279.850.793	1.963.365.013	398.796.748	36.787.783.824
Khấu hao trong năm	-	2.110.659.559	325.172.964	553.128.207	20.028.422	3.008.989.152
Phân loại lại	-	(322.398.307)	(9)	308.504.300	13.894.016	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.662.671.836)	-	(906.653.572)	-	(2.569.325.408)
Số cuối năm	8.271.336.000	23.000.024.686	3.605.023.748	1.918.343.948	432.719.186	37.227.447.568
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	5.547.341.389	1.210.190.302	1.005.516.774	36.357.441	7.799.405.906
Số cuối năm	-	3.833.078.279	1.660.597.347	871.704.163	26.253.304	6.391.633.093
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.147.308.909 VND và 596.207.849 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đô.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	36.365.959	10.500.186	-
Số cuối năm	36.365.959	10.500.186	25.865.773

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008572 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An 3.200.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.334.727.200 VND, tương đương 52,91% vốn thực góp.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa	288.354.552	48.007.700	(176.083.044)	160.279.208
Công cụ, dụng cụ	507.258.747	671.526.712	(876.650.171)	302.135.288
Chi phí thuê văn phòng	72.318.525	612.000.000	(531.318.525)	153.000.000
Chi phí khác	83.024.667	6.950.000	(84.472.582)	5.502.085
Cộng	950.956.491	1.338.484.412	(1.668.524.322)	620.916.581

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	605.334.693
Phát sinh trong năm	(396.960.934)
Số cuối năm	208.373.759

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	8.661.886.982	9.999.999.960
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	937.611.460
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô ^(b)	450.000.000	-
Cộng	9.111.886.982	10.937.611.420

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

^(b) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	10.937.611.420
Số tiền vay phát sinh	9.111.886.982
Số tiền vay đã trả	(10.937.611.420)
Số cuối năm	9.111.886.982

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp cho Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	1.743.387.272	4.184.755.090
Các nhà cung cấp cho Chi nhánh tại TP. Hà Nội	2.164.841.725	-
Các nhà cung cấp cho Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	81.996.200	-
Cộng	3.990.225.197	4.184.755.090

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

22



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty dịch vụ viễn thông VNP	546.685.000	-
Huawei Tech Investment Co., Ltd.	-	3.872.489.498
Các khách hàng khác	21.870.400	203.963.000
Cộng	<u>568.555.400</u>	<u>4.076.452.498</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.274.331.333	5.614.895.479	(4.159.725.990)	3.729.500.822
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(22.797.012)	59.718.865	(36.921.853)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.350.425.574	2.063.628.459	(1.592.350.652)	1.821.703.381
Thuế thu nhập cá nhân	22.858.400	395.318.951	(248.893.984)	169.283.367
Tiền thuê đất	-	1.016.626.000	(1.016.626.000)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>3.624.818.295</u>	<u>9.153.187.754</u>	<u>(7.057.518.479)</u>	<u>5.720.487.570</u>

(*) Thuế nhập khẩu nộp thừa đầu năm được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.283.543.126	9.103.268.500
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	35.000.000	2.609.219.020
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.064.029.292)	(2.860.769.957)
Thu nhập chịu thuế	8.254.513.834	8.851.717.563
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	<u>2.063.628.459</u>	<u>2.212.929.391</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính	-	<u>(663.878.817)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>2.063.628.459</u>	<u>1.549.050.574</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

23

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 19.364,30m² đất đang sử dụng tại số 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh với mức 21.000 VND/m²/năm. Diện tích và vị trí thuê đất được quy định tại Quyết định số 3253/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Biên bản giao nhận số 308/2004/CV-BDA C30 ngày 06 tháng 10 năm 2004.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản phụ cấp còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo dưỡng	1.346.343.154	1.188.763.661
Chi phí công trình	6.335.583.938	72.425.426
Chi phí lãi vay	-	32.561.347
Chi phí khác	72.597.222	-
Cộng	<u>7.754.524.314</u>	<u>1.293.750.434</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	133.648.537	208.778.889
Kinh phí công đoàn	180.783.887	158.164.843
Cổ tức phải trả	1.148.562.000	1.305.215.000
Phải trả Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam về thiết bị viễn thông	1.609.073.072	2.892.532.388
Phải trả chi phí các công trình	9.429.210.657	4.154.973.646
Phải trả Ban quản lý cụm công trình khu vực C30 tiền thuê đất, tiền khấu hao nhà cửa	376.346.500	2.597.687.490
Phải trả khác	67.776.235	927.351.271
Cộng	<u>12.945.400.888</u>	<u>12.244.703.527</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	858.630.392	634.500.000	-	(707.000.000)	786.130.392
Quỹ phúc lợi	(184.244.796)	634.500.000	10.000.000	(968.265.500)	(508.010.296)
Cộng	<u>674.385.596</u>	<u>1.269.000.000</u>	<u>10.000.000</u>	<u>(1.675.265.500)</u>	<u>278.120.096</u>

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình đính kèm bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 31.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức các năm trước	2.544.307.167
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	<u>2.544.307.167</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được dùng để chi cho các hoạt động xã hội, từ thiện như chi giữ gìn an ninh trật tự, nuôi dạy trẻ khuyết tật, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, người nghèo...

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	113.758.112.950	95.541.844.003
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	14.768.713.386	29.932.467.658
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	685.633.190	2.190.659.636
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	98.303.766.374	63.418.716.709
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(344.883.496)	(283.797.350)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(219.881.314)	(153.856.528)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(125.002.182)	(129.940.822)
Doanh thu thuần	113.413.229.454	95.258.046.653
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	14.768.713.386	29.932.467.658
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	685.633.190	2.190.659.636
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	97.958.882.878	63.134.919.359

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	12.998.532.736	25.429.613.469
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	517.185.196	606.660.145
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	65.720.398.841	40.151.438.085
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	842.100.633
Cộng	<u>79.236.116.773</u>	<u>67.029.812.332</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	35.930.160	55.480.361
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	84.114.950	153.662.071
Cổ tức, lợi nhuận được chia	476.185.561	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.462.866	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	976.064.945	905.155.000
Cộng	<u>1.587.758.482</u>	<u>1.114.297.432</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	836.206.964	1.258.033.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	285.478.701
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	318.805.720	397.861.723
Chi phí tài chính khác	-	9.000
Cộng	<u>1.155.012.684</u>	<u>1.941.382.659</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	369.890.018	245.625.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.640.355	61.142.292
Chi phí khác	208.788.683	265.690.213
Cộng	<u>601.319.056</u>	<u>572.457.568</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.683.795.969	4.035.257.719
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.561.892.643	47.552.815
Chi phí đồ dùng văn phòng	174.999.789	1.225.962.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.380.842.576	995.703.497
Thuế, phí và lệ phí	282.968.080	45.998.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.280.012.277	2.218.405.425
Chi phí khác	8.619.851.105	10.655.896.790
Cộng	<u>24.984.362.439</u>	<u>19.224.777.320</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

26





CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	1.603.462.353
Các khoản nợ không xác định được chủ	1.556.421.160	-
Thu nhập khác	35.250.809	75.214.993
Cộng	<u>1.591.671.969</u>	<u>1.678.677.346</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý vật tư	-	28.050.000
Thuế bị phạt, truy thu	-	150.507.444
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	263.369.846	-
Phạt vi phạm hành chính	35.000.000	-
Các chi phí khác	33.935.981	765.608
Cộng	<u>332.305.827</u>	<u>179.323.052</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.822.953.733	7.444.360.129
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.822.953.733	7.444.360.129
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.996.010	2.996.010
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.611</u>	<u>2.485</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.540.960.009	37.717.106.611
Chi phí nhân công	18.190.399.165	14.249.088.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.019.489.338	3.059.405.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.636.466.806	11.783.989.987
Chi phí khác	40.434.482.950	15.743.538.385
Cộng	<u>104.821.798.268</u>	<u>82.553.129.737</u>

10/12/2010
CỔ
RÁCH KIỂM
T

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt trong năm là 1.347.877.000 VND (số năm trước là 1.181.384.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam		
Chi hộ	-	21.480.000
Cần trừ tiền thuê đất	-	10.000.048.898
Phải trả tiền lãi vay	-	1.063.462.353
Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	822.806.160	739.796.806
Cho mượn	-	60.000.000
Nhận cổ tức	476.185.561	-
Góp vốn	-	984.727.200

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An		
Phải thu cổ tức	476.185.561	-
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	86.000.000	-
Cộng nợ phải thu	562.185.561	-
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam		
Phải trả tiền mua thiết bị	1.609.073.072	2.892.532.388
Cộng nợ phải trả	1.609.073.072	2.892.532.388



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng làm việc tại Hà Nội. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	66.750.000	270.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	67.500.000
Cộng	<u>66.750.000</u>	<u>337.500.000</u>

Ngoài ra Công ty còn phải nộp tiền thuê đất hàng năm cho diện tích 19.364,30m² đất đang sử dụng tại số 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Đơn giá tiền thuê đất hàng năm được thực hiện theo thông báo của Chi cục thuế quận 10.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam.

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm từ trang 32 đến trang 34.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là công trình viễn thông.

4. Thay đổi chính sách kế toán

Năm nay, Công ty thay đổi chính sách kế toán ghi nhận doanh thu dịch vụ căn cứ trên khối lượng hoàn thành và đơn giá hợp đồng dịch vụ đã ký thay vì phải chờ khách hàng nghiệm thu quyết toán hoàn thành xuất hóa đơn mới ghi nhận doanh thu. Theo đánh giá của Công ty việc thay đổi chính sách kế toán ghi nhận doanh thu như trên là phù hợp hơn với đặc điểm hoạt động dịch vụ lắp đặt chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu dịch vụ của Công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán làm cho doanh thu năm nay tăng 28.123.852.542 VND và lãi gộp tăng 13.501.035.165 VND. Tuy nhiên, việc thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng đến việc phải hồi tổ số liệu so sánh của năm 2009 vì năm trước các dịch vụ thực hiện trong năm đã được Công ty quyết toán với khách hàng và xuất hóa đơn ghi nhận doanh thu trong năm.

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Trần Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)**

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	29.960.100.000	9.980.050.000	6.011.576.152	1.114.494.196	22.229.003	5.942.276.386	53.030.725.737
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.444.360.129	7.444.360.129
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	(4.194.414.000)	(4.194.414.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(1.797.606.000)	(1.797.606.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	178.542.487	-	-	(1.407.402.219)	(1.228.859.732)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(349.600.000)	(349.600.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(3.000.000)	-	(3.000.000)
Số dư cuối năm trước	29.960.100.000	9.980.050.000	6.190.118.639	1.114.494.196	19.229.003	5.637.614.296	52.901.606.134
Số dư đầu năm nay	29.960.100.000	9.980.050.000	6.190.118.639	1.114.494.196	19.229.003	5.637.614.296	52.901.606.134
Kết chuyển nguồn vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.822.953.733	7.822.953.733
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.176.742.123	372.218.006	-	(2.817.960.129)	(1.269.000.000)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(2.387.654.167)	(2.387.654.167)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Số dư cuối năm nay	29.960.100.000	9.980.050.000	7.366.860.762	1.486.712.202	19.229.003	7.822.953.733	56.635.905.700

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểuTrần Ngọc Tuấn
Kế toán trưởngLương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

	Miền Nam	Miền Trung	Miền Bắc	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	77.916.373.811	3.580.709.051	31.916.146.592	113.413.229.454
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.916.373.811	3.580.709.051	31.916.146.592	113.413.229.454
Chi phí bộ phận	72.093.529.150	3.287.703.462	29.440.565.656	104.821.798.268
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.822.844.661	293.005.589	2.475.580.936	8.591.431.186
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.591.431.186
Doanh thu hoạt động tài chính	683.028.448	14.042.886	890.687.148	1.587.758.482
Chi phí tài chính	(928.439.304)	-	(226.573.380)	(1.155.012.684)
Thu nhập khác	1.591.671.969	-	-	1.591.671.969
Chi phí khác	(306.364.680)	-	(25.941.147)	(332.305.827)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.063.628.459)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(396.960.934)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.822.953.733
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.281.419.827	927.957.632	1.030.059.091	3.239.436.550
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.799.667.418	92.144.679	1.635.922.355	4.527.734.452
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)**

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	71.811.668.557	-	23.446.378.096	95.258.046.653
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.811.668.557	-	23.446.378.096	95.258.046.653
Chi phí bộ phận	67.820.408.839	-	19.006.638.381	86.827.047.220
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.991.259.718	-	4.439.739.715	8.430.999.433
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.430.999.433
Doanh thu hoạt động tài chính	151.972.382	-	962.325.050	1.114.297.432
Chi phí tài chính	(1.380.214.863)	-	(561.167.796)	(1.941.382.659)
Thu nhập khác	1.678.677.346	-	-	1.678.677.346
Chi phí khác	(179.323.052)	-	-	(179.323.052)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(1.549.050.574)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(109.857.797)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.444.360.129
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.471.231.204	-	797.217.915	5.268.449.119
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.707.088.837	-	1.132.142.078	4.839.230.915
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

33

Trần Ngọc Tuấn
Kế toán trưởngLương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

HỌ TÊN: LƯƠNG NGỌC HƯƠNG / 08

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ (KASATI)**

270A Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP HCM

ĐT: (08) 38 655 343

Website: www.kasati.com.vn

FAX: (08) 38 652 487

Email: kasati@kasati.com.vn**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 270 A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

	Miền Nam	Miền Trung	Miền Bắc	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.557.537.373	2.745.574.816	28.490.761.159	99.793.873.348
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng tài sản				99.793.873.348
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	33.697.486.274	2.438.526.341	7.021.955.033	43.157.967.648
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				43.157.967.648
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	71.984.686.878	-	21.174.390.871	93.159.077.749
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng tài sản				93.159.077.749
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	32.648.088.015	-	7.609.383.600	40.257.471.615
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				40.257.471.615

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

34

Trần Ngọc Tuấn
Kế toán trưởngLương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



VI. Các công ty có liên quan:

STT	Tổ chức/công ty khác mà Công ty góp vốn	Tổng vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn/vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ góp vốn/tổng vốn góp (%)
1	Công ty CP Dịch vụ Trợ giúp Thương mại Khang An (KASACO)	4,33	43,35 %	53 %

Tình hình hoạt động của Công ty CP Dịch vụ Trợ giúp Thương mại Khang An (KASACO) năm 2010: doanh thu: 46,42 tỷ, vượt 27% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế: 3,77 tỷ, vượt 87% so với kế hoạch.

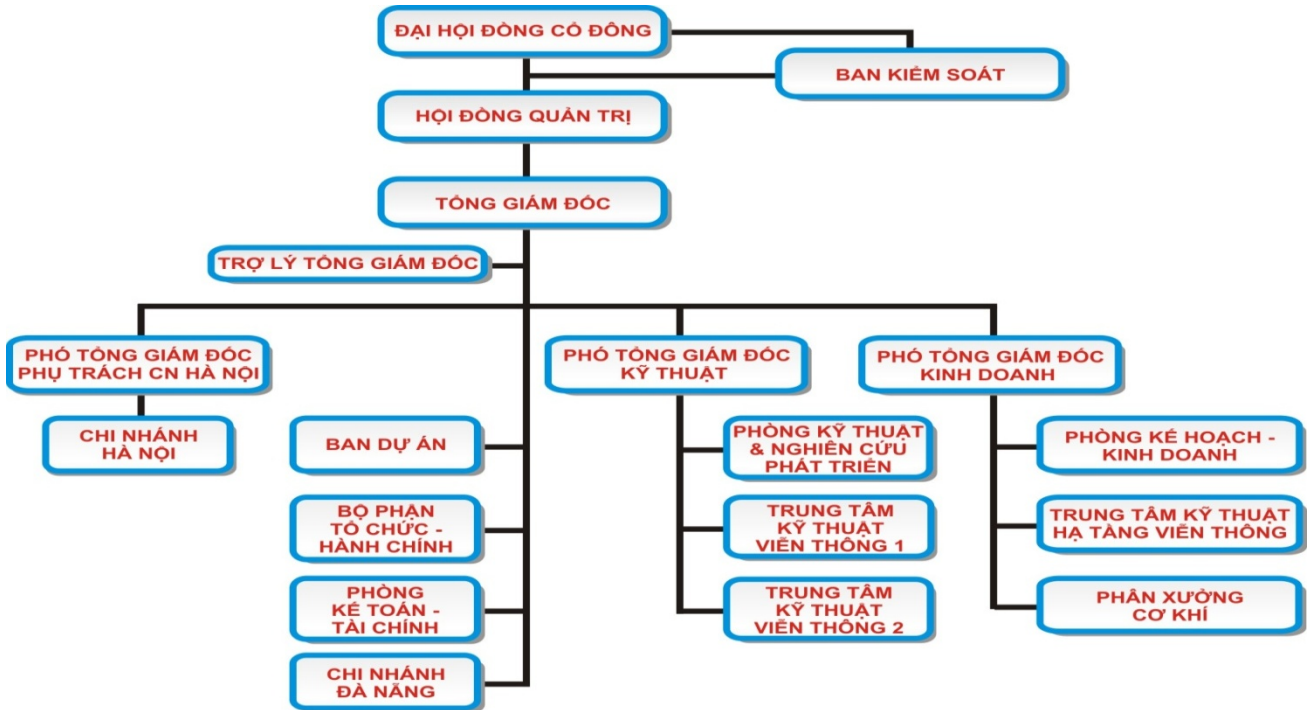
❖ Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Trợ Giúp Thương Mại KHANG AN – KASACO:

- Trụ sở chính
 - Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM
 - Điện thoại: (84 - 8) 38686 115; (84 - 8) 38686 147
 - Fax: (84 - 8) 38686 072
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305339252 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp đăng ký lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/10/2009
- Vốn điều lệ đăng ký 10 tỷ đồng
- Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử góp 43,35% vốn điều lệ (tương đương với 4.334.727.200 đồng)
- KASACO hiện đang kinh doanh hai loại hình dịch vụ cơ bản sau:
 - + Inbound: Tiếp nhận và giải đáp các yêu cầu của khách hàng qua điện thoại về sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp thuê
 - + Outbound: Tiếp thị qua điện thoại (telemarketing), nghiên cứu thị trường, gọi điện thoại chăm sóc khách hàng
- Ngoài các dịch vụ truyền thống Công ty còn triển khai thêm các sản phẩm - dịch vụ:
 - + Dịch vụ tư vấn: Đây là dịch vụ mang tính lâu dài, bao gồm các lĩnh vực: Sức khỏe, giáo dục, tài chính, viễn thông, công nghệ thông tin, du lịch...
 - + Dịch vụ tiếp thị chăm sóc khách hàng qua điện thoại.
 - + Nghiên cứu thị trường để đưa ra các sản phẩm và dịch vụ mới
 - + Triển khai các dịch vụ về môi giới cũng như phân tích số liệu, .



VII. Tổ chức và nhân sự.....

1. Sơ đồ tổ chức:



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ
Bà Lương Ngọc Hương	Chủ tịch
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Trí	Ủy viên
Ông Võ Hồng Lạc	Ủy viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
Bà Lương Ngọc Hương	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó TGĐ Kỹ thuật
Ông Lê Minh Trí	Phó TGĐ Kinh doanh
Ông Vũ Trọng Hiếu	Phó TGĐ phụ trách Chi nhánh Hà Nội
BAN KIỂM SOÁT	CHỨC VỤ
Bà Hoàng Thị Thanh Trúc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên
Ông Trần Minh Dũng	Ủy viên



2. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và Phó Tổng Giám đốc Phía Bắc). Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

Các phòng ban: là những bộ phận trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Công ty có các phòng ban sau: Phòng kế toán thống kê tài chính, Phòng Tổ chức Hành chính Quản trị, Trung tâm Kỹ thuật Viễn thông (1&2), Phòng Kỹ thuật Nghiên cứu Phát triển, Phòng Kỹ thuật Đo kiểm, Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Phân xưởng Cơ khí, Trung tâm Kỹ thuật Hạ tầng, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng.



3. Lý lịch Ban điều hành:

❖ Hội đồng Quản trị:

1. Bà Lương Ngọc Hương - Chủ tịch HĐQT

Kỹ sư Điện tử/Cử nhân Quản trị kinh doanh, công tác tại Công ty CP KASATI từ năm 1985, đã tham gia các khóa đào tạo Quản trị công ty ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài nước. Hiện nay là Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty.

2. Ông Phan Văn Nghĩa - Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kỹ thuật chuyên ngành Điện tử - Viễn thông trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, công tác tại Công ty CP KASATI từ năm 1986. Hiện nay là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách Kỹ thuật.

3. Ông Lê Minh Trí - Ủy viên HĐQT

Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin/Cử nhân Quản trị kinh doanh, công tác tại Công ty CP KASATI từ năm 1986. Hiện nay là Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách kinh doanh.

4. Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT

Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính - Tiền tệ Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin/Cử nhân Quản trị kinh doanh. Hiện nay là Ủy viên HĐQT Công ty. (ngoài ra còn đang điều hành Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện - Ủy viên HĐQT kiêm TGD)

5. Ông Võ Hồng Lạc - Ủy viên HĐQT

Kỹ sư Kinh tế Bưu chính Viễn thông, hiện nay là Ủy viên HĐQT Công ty. (ngoài ra hiện nay còn đang công tác tại Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh)



❖ **Ban Kiểm soát**

1. Bà Hoàng Thị Thanh Trúc - Trưởng BKS

Cử nhân Kinh tế, công tác tại Công ty CP KASATI từ năm 1994, hiện nay là Trưởng BKS Công ty.

2. Ông Trần Minh Dũng - Ủy viên BKS

Thạc sỹ Kinh tế, hiện nay là Ủy viên BKS Công ty (ngoài ra, hiện đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Vinaphone 2 từ năm 1997).

3. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa - Ủy viên BKS

Cử nhân Kinh tế, hiện nay là Ủy viên BKS Công ty (ngoài ra, hiện đang công tác tại Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh - Chuyên viên Kế toán)

❖ **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

1. Tổng Giám đốc – Bà Lương Ngọc Hương (xem phần HĐQT)

2. Phó Tổng Giám đốc – Ông Phan Văn Nghĩa (xem phần HĐQT)

3. Phó Tổng Giám đốc – Ông Lê Minh Trí (xem phần HĐQT)

4. Phó Tổng Giám đốc – Vũ Trọng Hiếu

Sinh năm 1974, tiến sỹ Kỹ thuật chuyên ngành viễn thông trường Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, công tác tại Công ty CP KASATI từ năm 2006, hiện nay là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.

5. Kế toán trưởng – Trần Ngọc Tuân

Sinh năm 1971, cử nhân Kinh tế, công tác tại Công ty CP KASATI từ năm 1997, hiện nay là Kế toán trưởng Công ty.



4. Chính sách với người lao động:

- Tổng số người lao động (tính đến ngày 31/03/2011) như sau:

Trình độ	Số lượng	Tỷ trọng
Trên Đại học	7	2.4%
Đại học	125	42.0 %
Cao đẳng, Trung cấp	110	36.9%
Công nhân	56	18.7%
Tổng	298	

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ Hai tới thứ Sáu, nghỉ ngày thứ Bảy và Chủ nhật. Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.
- Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc:

- Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ, dụng cụ và đồ bảo hộ lao động.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Theo quyết định số 02b/QĐ-HĐQT ngày 08 tháng 05 năm 2007 của HĐQT Công ty ban hành Quy chế trả lương, thì trả lương đúng cho người lao động chính là đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, nâng cao ý thức trách nhiệm và hiệu quả công việc của từng người. Quy chế trả lương phải được gắn giữa giá trị lao động của cá nhân và kết quả, hiệu quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của toàn Công ty, không phân phối bình quân làm triệt tiêu động lực phát triển sản xuất, đảm bảo công khai, công bằng trong phân phối thu nhập và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Vào tháng 12 hàng năm, Công ty tiến hành xem xét đánh giá hiệu quả công việc của CBCNV để nâng bậc lương. Công ty cũng có chính sách nâng lương trước thời hạn trong trường hợp người lao động có thành tích xuất sắc trong công tác nhằm khuyến



khích tối đa sự nhiệt tình, tính sáng tạo góp phần tăng năng suất và chất lượng công việc của CBCNV trong Công ty.

- Ngoài ra, Công ty xét thưởng thêm cho các cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng cách thưởng mỗi 6 tháng, năm của cá nhân, tổ (ca) làm việc.
- Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát trong và ngoài nước, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

5. Mức chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2010:

Mức chi theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2010 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao năm 2010
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	LƯƠNG NGỌC HƯƠNG	Chủ tịch HĐQT	83,700,000.0
2	PHAN VĂN NGHĨA	Phó Chủ tịch HĐQT	69,700,000.0
3	LÊ MINH TRÍ	Ủy viên	55,700,000.0
4	VÕ HỒNG LẠC	Ủy viên	55,700,000.0
5	PHẠM ANH TUẤN	Ủy viên	55,700,000.0
	BAN KIỂM SOÁT		
6	HOÀNG THỊ THANH TRÚC	Trưởng ban	55,700,000.0
7	NGUYỄN THỊ KIM HOA	Ủy viên	27,900,000.0
8	TRẦN MINH DŨNG	Ủy viên	27,900,000.0
	Cộng		432,000,000.0



VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty.....

1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/3/2011:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SLCP SỞ HỮU	TỈ LỆ (%)
1	TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM Được đại diện bởi: Lương Ngọc Hương Lê Minh Trí	Tòa nhà VNPT, 57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, Hà Nội	1.015.000	33,88%
			507.500	
			507.500	
2	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN Đại diện bởi: Phạm Anh Tuấn	Tòa nhà 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội	638.090	21,30%
	TỔNG CỘNG		1.653.090	55,13%

2. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Địa chỉ
01	TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM NGUYỄN VĂN KIÊN	35.000	18 Nguyễn Du, P.Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội. 202-B1 Khu tập thể phường Tân Mai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	LƯƠNG NGỌC HƯƠNG		A699 Chợ Nhỏ, P. Hiệp Phú, Q.9, TPHCM.
02	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN ĐỖ QUANG KHÁNH	10.000	210 Thái Hà, P. Trung Liệt, Q.Đống Đa, Hà Nội 223/56/9 Bùi Đình Túy, P.12, Q.Bình Thạnh, TPHCM
03	PHẠM ĐẮC NGHIÊM	1.155	70 Hồng Hà, Phường 2, Q. Tân Bình, HCM
04	PHAN VĂN NGHĨA	725	1436 Hoàng Văn Thụ, P.4, Q. Tân Bình, HCM
05	Và 202 cổ đông khác	30.040	



3. Danh sách cổ đông chủ chốt: (theo danh sách chốt ngày 31/03/2011)

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lương Ngọc Hương	Chủ tịch HĐQT/TGD	30.000	1.00%
2	Phan Văn Nghĩa	Phó HĐQT/Phó TGD	18.000	0.60%
3	Lê Minh Trí	TV HĐQT/Phó TGD	12.435	0.42%
4	Võ Hồng Lạc	Thành viên HĐQT	14.700	0.49%
5	Vũ Trọng Hiếu	Phó TGD	6.900	0.23%
6	Hoàng Thị Thanh Trúc	Trưởng BKS	8.000	0.27%
7	Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên BKS	20.400	0.68%
8	Trần Minh Dũng	Thành viên BKS	32.000	1.07%
9	Trần Ngọc Tuấn	Kế toán trưởng	14.400	0.48%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2011

CÔNG TY CP KASATI

Tổng Giám đốc